

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH TƯỜNG
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 6 - 2020

“V/v Tranh chấp về thay đổi mức cấp
dưỡng nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TƯỜNG, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Khang.

2. Ông Nguyễn Thái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Tường tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị X, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Mới, xã T, huyện V, Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: P405 Chung cư Tỉnh đội, phường H, thành phố Y, Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Bị đơn: Anh Bùi Đức B, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện V, Vĩnh Phúc, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2019 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chu Thị X trình bày:

Chị và anh Bùi Đức B đăng ký kết hôn từ năm 2007, sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh B ở thôn 3, xã Đ, huyện V, Vĩnh Phúc được khoảng 01 năm sau thì chị và anh B chuyển ra thuê trọ ở riêng. Sau đó do mâu thuẫn, đến ngày 02/8/2012 chị và anh B ly hôn theo Quyết định số 79/2012/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Vinh Tường. Sau khi ly hôn chị và cháu Bùi Phương L (chuyển tên từ Bùi Khánh K sang tên Bùi Phương L) chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Mới, xã T, huyện V, Vĩnh Phúc sống. Từ

tháng 9/2018 đến nay chị và cháu L chuyển ra thuê trọ ở tại P405 chung cư tỉnh đội, phường H, thành phố Y, Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định số 79/2012/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2012 thì anh B đóng góp nuôi con chung cùng chị số tiền là 1.000.000đ/01 tháng kể từ tháng 8/2012 đến khi cháu K (nay tên là L) đủ 18 tuổi. Anh B cấp dưỡng đầy đủ số tiền nuôi con chung cùng chị theo quyết định của Tòa án. Tuy nhiên, hiện nay do điều kiện kinh tế của chị hạn hẹp, mức thu nhập giáo viên mỗi tháng của chị 7.100.000đ; trong khi đó nhà phải thuê với giá 2.000.000đ/01 tháng, cháu L học thêm đàn violon, toán, văn là 1.700.000đ/01 tháng. Ngoài ra chưa kể đến chi phí sinh hoạt và thuốc men cho cháu. Do vậy để đảm bảo việc nuôi cháu L được đầy đủ hơn chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh B phải tăng mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị từ 1.000.000đ/01 tháng lên 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Bị đơn anh Bùi Đức B trình bày: Anh và chị Chu Thị X ly hôn ngày 02/8/2012, theo quyết định của Tòa án anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị X 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Sau khi có quyết định của Tòa án anh đã cấp dưỡng đầy đủ theo quy định.

Đến nay chị X khởi kiện yêu cầu tăng mức cấp dưỡng lên 2.000.000đ/1 tháng anh hoàn toàn không đồng ý vì: Anh là công chức nhà nước lương anh hiện nay là 8.300.000đ cũng chỉ đủ chi tiêu sinh hoạt không dư giả gì, bản thân anh không kinh doanh gì thêm, không có thu nhập thêm. Hiện anh đang phải chăm sóc mẹ già, không có lương nên cũng rất khó khăn. Ngoài ra, năm 2018 anh đứng ra xây lại nhà (do nhà cũ đã quá xuống cấp) nhưng do điều kiện khó khăn, không đủ tiền nên anh đã phải vay của hai chị gái anh mỗi người 100.000.000đ gồm: Vay của chị Bùi Thị A ở Khu 4, xã Đ và chị Bùi Thị Thu C ở phường Q, Vĩnh Yên. Ngoài ra anh còn vay thấu chi tại Ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh huyện Tam Dương, lãi suất 13%/năm, tháng 5 hàng năm vẫn phải đảo nợ. Đối với khoản vay của hai chị gái là chị A và chị C cũng như của Ngân hàng anh có trách nhiệm trả nợ, anh trình bày và xuất trình giấy tờ để chứng minh anh vẫn còn khó khăn nên không có khả năng cấp dưỡng. Anh không có ý kiến hay yêu cầu gì về các khoản nợ này.

Ngoài ra chị X là giáo viên môn Sử của Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Giang, cũng là cán bộ nhà nước, thu nhập thậm chí còn cao hơn anh, tiền lương, tiền dạy thêm, tiền đứng lớp... Chị X một mình nuôi con tiền lương, các khoản thu nhập và tiền anh đóng góp đã đảm bảo nuôi. Việc chị X đề nghị tăng mức cấp dưỡng nuôi con là không chính đáng, đề nghị Tòa án không chấp nhận việc chị X khởi kiện, không đúng, không phù hợp.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị X, anh B đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị X, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 1.000.000đ lên 1.500.000đ/1 tháng kể từ ngày 01/7/2020 đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Chu Thị X khởi kiện yêu cầu về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn với anh Bùi Đức B; bị đơn anh B hiện có hộ khẩu và cư trú tại Thôn 3, xã Đ, huyện V, Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2] Về nội dung:

Xem xét yêu cầu của chị X về việc tăng mức cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: Theo Quyết định số 79/2012/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường thì anh B đóng góp nuôi con chung cùng chị số tiền là 1.000.000đ/01 tháng kể từ tháng 8/2012 đến khi cháu K (nay tên là L) đủ 18 tuổi. Tuy nhiên thực tế hiện nay việc chăm sóc, nuôi dưỡng để cho các cháu phát triển đầy đủ, toàn diện là rất vất vả, tốn nhiều thời gian công sức và kinh tế. Đối với cháu L (tên cũ là K) được chị X quan tâm, chăm sóc mọi mặt cả về văn hóa, thể chất do vậy với thu nhập của chị X hiện tại 7.100.000đ gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó anh B có thu nhập ổn định cao hơn chị X, việc tăng mức cấp dưỡng cho cháu L lên 2.000.000đ/1 tháng so với thu nhập hơn 8 triệu của anh B không ảnh hưởng nhiều đến anh B. Hiện tại chị X vẫn chưa kết hôn mới, yêu cầu của chị X về việc tăng mức cấp dưỡng là nhằm đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho cháu L. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của chị X là hợp tình hợp lý, góp phần đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho cháu L sinh hoạt, học tập nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị X không phải chịu án phí; anh B phải chịu 300.000 đồng án phí thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 58, 82, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị X đối với anh Bùi Đức B, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn từ 1.000.000đ/1 tháng lên 2.000.000đ/1 tháng; anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị X 2.000.000đ/1 tháng kể từ ngày 01/7/2020 cho đến khi cháu Bùi Phương L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị X có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng anh B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Chị Chu Thị X không phải chịu án phí sơ thẩm.
- Anh Bùi Đức B phải chịu 300.000 đồng án phí thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Xuân Trọng